

Bản án số: 02/2023/HS- ST
Ngày 06 tháng 01 năm 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thục.
2. Ông Nguyễn Hoàng Tâm.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Thân Thị Hải M - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Đại diện VKSND tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 73/2022/HSST ngày 03 tháng 11 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn V, sinh năm 1991;

- Quốc tịch: V Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không,

- Nghề nghiệp: Lao động tự do Văn hóa: 11/12;

- Nơi ĐKKTT: Tổ dân phố Dục Quang, thị trấn Bích Động, huyện V Yên, tỉnh B.

- Họ tên cha: Nguyễn Văn Dũng, sinh năm 1971;

- Họ tên mẹ: Nguyễn Thị Hoan, sinh năm 1971;

- Gia đình có 02 anh em, bản thân là thứ nhất;

- Vợ: Nguyễn Thị Vân, sinh năm 1997 (đã ly hôn);

- Con: Có 01 con, lớn sinh năm 2015;

- Tiền án, tiền sự không;

- Nhân thân:

+ Bản án số 84/2011/HSST ngày 16/5/2011, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh xử phạt Nguyễn Văn V 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

+ Bản án số 40/2011/HSST ngày 26/8/2011, Tòa án nhân dân huyện V Yên, tỉnh B xử phạt Nguyễn Văn V 03 năm tù về tội trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt của bản án số 84/2011/HSST ngày 16/5/2011 của Tòa án nhân dân thành phố

Bắc Ninh, buộc V phải chấp hành hình phạt cho cả hai bản án là 03 năm 06 tháng tù.

+ Bản án số 84/HSST ngày 30/11/2011, Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh B xử phạt Nguyễn Văn V 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt với bản án số 40/2011/HSST ngày 26/8/2011, Tòa án nhân dân huyện V Yên, tỉnh B, buộc bị cáo V phải chấp hành 04 năm 06 tháng tù nhưng được trừ đi 11 tháng 22 ngày đã thi hành, V còn phải chấp hành 03 năm 06 tháng 08 ngày. V chấp hành xong bản án ngày 08/10/2014.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/6/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. (Có mặt).

2. Họ và tên: Quàng Văn T, sinh năm 2001;

- Quốc tịch: V Nam Dân tộc: Thái Tôn giáo: Không;

- Nghề nghiệp: Lao động tự do Văn hóa: 8/12;

- Nơi ĐKHKTT: Bản Bó Én, thị trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên;

- Nơi ở: Số 77, đường Thân Nhân Trung, tổ dân phố Dục Quang, thị trấn Bích Động, huyện V Yên, tỉnh B;

- Họ tên cha: Quàng Văn Bách, sinh năm 1977;

- Họ tên mẹ: Lò Thị Lý, sinh năm 1978;

- Gia đình có 02 anh em, bản thân là thứ nhất;

- Vợ, con: Chưa có;

- Tiền án, tiền sự: Chưa có

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/6/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. (Có mặt).

3. Họ và tên: Quàng Văn M, sinh năm 2000;

- Quốc tịch: V Nam Dân tộc: Thái Tôn giáo: Không.

- Nghề nghiệp: Lao động tự do Văn hóa: 9/12;

- Nơi ĐKHKTT: Bản Sắng, thị trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên;

- Nơi ở: Số 199, đường Thân Nhân Trung, thị trấn Bích Động, huyện V Yên, tỉnh B;

- Họ tên cha: Quàng Văn Tiến, sinh năm 1981;

- Họ tên mẹ: Mào Thị Nhất, sinh năm 1984;

- Gia đình có 02 anh em, bản thân là thứ nhất;

- Vợ, con: Chưa có;

- Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/6/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B; (Có mặt).

4. Họ và tên: Cao Xuân S, sinh năm 2001;

- Quốc tịch: V Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không;
- Nghề nghiệp: Lao động tự do Văn hóa: 9/12;
- Nơi ĐKKHKT: Số 18, ngõ 339, tổ dân phố Tiên Giang, phường Lê Lợi, thành phố B, tỉnh B;
- Nơi ở: Tổ dân phố Dục Quang, thị trấn Bích Động, huyện V Yên, tỉnh B;
- Họ tên cha: Cao Xuân Hiệp, sinh năm 1963;
- Họ tên mẹ: Đỗ Thị Lâm, sinh năm 1971;
- Gia đình có 03 chị em, bản thân là thứ ba;
- Vợ, con: Chưa có;
- Tiền án: Bản án số 191/2019/HSST ngày 29/11/2019, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B xử phạt Cao Xuân S 01 năm 08 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. S chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/3/2021.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/6/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B; (Có mặt).

+ Người bào chữa cho bị cáo V:

Bà Ong Thị Thanh và bà Ngô Thị Thu- Luật sư thuộc văn phòng luật sư Vũ Anh Hùng- Đoàn luật sư tỉnh B. (Bà Thanh có mặt, bà Thu vắng mặt).

+ Người bào chữa cho bị cáo T:

Ông Nguyễn Đức Tình- Luật sư thuộc văn phòng luật sư Phạm Xuân Anh - Đoàn luật sư tỉnh B. (Có mặt).

+ Người bào chữa cho bị cáo M:

Ông Dương Ngọc Thực- Luật sư thuộc văn phòng luật sư Dương Ngọc Thực- Đoàn luật sư tỉnh B. (Có mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Trương Chiến T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Số 187, đường Thân Đức Luận, phường Ngô Quyền, thành phố B, tỉnh B. (Vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Tổ dân phố Dục Quang, thị trấn Bích Động, huyện V Yên, tỉnh B. (Có mặt).

*** Người làm chứng:**

1. Chị Tô Thị TR, sinh năm 2003.

Nơi ĐKKHKT: Bản Công, xã Vạn Thủy, huyện Bắc S, tỉnh Lạng S.

Nơi ở: Chung cư Cát Tường, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. (Vắng mặt).

2. Chị Hoàng Ngọc A, sinh năm 2001.

Nơi ĐKKHKT: Khu B, thị trấn Nghèn, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng S.

Nơi ở: Thôn Ngụen B, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh B. (Vắng mặt).

3. Anh Nguyễn Chiến T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Số 187, đường Thân Đức Luận, phường Ngô Quyền, thành phố B, tỉnh B. (Vắng mặt).

* **Người chứng kiến:** Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Tổ dân phố Dục Quang, thị trấn Bích Động, huyện V Yên, tỉnh B. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo Nguyễn Văn V, Quảng Văn T, Quảng Văn M, Cao Xuân S bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Hồi 21 giờ 46 phút ngày 09/6/2022, tổ công tác Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh B phối hợp với Công an huyện V Yên, tỉnh B tiến hành kiểm tra nhà ở của Nguyễn Văn V, sinh năm 1991 ở tổ dân phố Dục Quang, thị trấn Bích Động, huyện V Yên, tỉnh B, quá trình kiểm tra phát hiện:

- Tại phòng ngủ tầng 2 nhà V có các đối tượng: Cao Xuân S, sinh năm 2001, nơi đăng ký NKTT: số 18, ngõ 389, tổ dân phố Tiền Giang, phường Lê Lợi, thành phố B, tỉnh B, nơi ở: Tổ dân phố Dục Quang, thị trấn Bích Động, huyện V Yên (*ở trên tầng 3, cùng nhà với V*); Quảng Văn T, sinh năm 2001, nơi đăng ký NKTT: Bản Bó Én, thị trấn Tòa Chùa, huyện Tòa Chùa, tỉnh Điện Biên, nơi ở: Số 77, đường Thân Nhân Trung, tổ dân phố Dục Quang, thị trấn Bích Động, huyện V Yên (là người làm thuê cho V); Trương Chiến T, sinh năm 1994, trú tại 187 đường Thân Đức Luận, phường Ngô Quyền, TP B; Hoàng Ngọc A, sinh năm 2001 ở Khu B, thị trấn Nghèn, huyện Cao Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, nơi ở: Thôn Nguộn B, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh B và Tô Thị TR, sinh năm 2003 ở Bản Cuông, xã Vạn Thủy, huyện Bắc S, tỉnh Lạng S, nơi ở: Chung cư Cát Tường, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; phát hiện và thu giữ:

+ Thu bên trong tủ gỗ kê cạnh đầu giường: 01 túi ni lon màu trắng, một đầu có rãnh khoá nhựa và viên màu đỏ, bên trong đựng tinh thể màu trắng, nghi là ma túy.

+ Thu giữ trên mặt đĩa sứ hình tròn màu trắng, đặt trên bàn TR điểm: Chất tinh thể màu trắng, nghi là ma túy, Cơ quan công an đã cho vào một túi ni lon màu trắng, một đầu có rãnh khoá nhựa để bảo quản.

+ Thu giữ trên giường: 01 túi ni lon màu trắng, một đầu có rãnh khoá bằng nhựa, viên màu đỏ, bên trong có 07 viên nén màu đỏ, nghi là ma túy.

Nguyễn Văn V khai nhận các chất tinh thể màu trắng là ma túy Ketamine là của V, tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với V và niêm phong vật chứng nghi ma túy vào phong bì, ký hiệu “QT”. Tiến hành test

nhanh nước tiêu của các đối tượng có mặt trong phòng, kết quả: V, T, S, T đều dương tính với KET; TR, A đều âm tính với chất ma túy.

Ngoài ra còn thu giữ: 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng; 01 thẻ nhựa có chữ “ACT”, thẻ bảo hành; 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng được quấn tròn và cố định bằng giấy dán màu vàng, được niêm phong vào hộp bìa cát tông, ký hiệu “QT1” và 06 điện thoại di động các loại, được niêm phong vào hai phong bì ký hiệu “ĐT1”, “ĐT2”. (BL 82-91; 448-451, 453-454)

Cùng ngày, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nhà ở của Nguyễn Văn V, kết quả khám xét thu giữ:

- *Thu giữ tại phòng ngủ tầng 2:*

+ Thu giữ trên mặt bàn TR điểm 01 hộp giấy màu trắng, một mặt có chữ “HÙNG HÀNG HIỆU”, bên trong đựng 01 túi ni lon màu trắng, một đầu có rãnh khoá nhựa, viền màu đỏ, bên trong đựng tinh thể màu trắng, nghi là ma túy, được cho vào hộp bìa cát tông có chữ “Tipo”, niêm phong, ký hiệu “KX1”.

+ Thu trong ngăn kéo bàn TR điểm: 01 chiếc ví bên trong có: 02 giấy phép lái xe đều mang tên Nguyễn Văn V và 2,6 triệu đồng; 01 cân điện tử màu trắng.

+ Thu trong trong tủ quần áo: 01 khẩu súng bình khí nén, trên mặt thân súng có chữ “AirfoRce”, được niêm phong trong túi nhựa, ký hiệu “KX3”.

+ 01 Đầu ghi màu trắng, trên mặt có chữ “Hikvision”, có model 7104 HQH1- K1, được cho vào hộp giấy có chữ “CP10”, niêm phong ký hiệu “KX4”

- *Thu giữ tại phòng ngủ tầng 3:*

+ Thu giữ trên mặt bàn cạnh giường ngủ: 01 túi ni lon màu trắng, một đầu có rãnh khoá nhựa viền màu đỏ, bên trong đựng tinh thể màu trắng, nghi là ma túy.

+ 01 (một) hộp giấy màu vàng, một mặt có chữ “Tom ford Black or chip”, bên trong có: 01 túi ni lon màu trắng, một đầu có rãnh khoá nhựa viền màu đỏ, bên trong đựng các viên nén màu xanh; 01 túi ni lon màu trắng, một đầu có rãnh khoá nhựa viền màu đỏ, bên trong đựng 16 túi ni lon màu trắng, một đầu của mỗi túi đều có rãnh khoá nhựa, viền màu xanh, bên trong mỗi túi đều chứa chất tinh thể màu trắng, nghi là ma túy.

Tất cả được niêm phong vào phong bì ký hiệu “KX2”.

+ 01 (một) cân điện tử màu trắng, 01 tờ tiền mệnh giá 10.000đ, 01 túi ni lon màu trắng, một đầu có rãnh khoá nhựa, viền màu đỏ, trong túi đựng nhiều túi ni lon màu trắng, một đầu của mỗi túi có rãnh khoá nhựa và viền màu xanh; 01 chiếc ví màu đen bên trong có: 01 Chứng M nhân dân, 01 thẻ MB đều mang tên Cao Xuân S và 300.000 đồng. (BL 93-97)

Kết luận giám định số 1031 ngày 17/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận :

* Trong 01 (một) phong bì có ký hiệu “QT” đã được niêm phong gửi giám định:

- Chất bột màu trắng đựng trong 01 (một) túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viền màu đỏ là ma túy, có khối lượng 0,078 gam, loại Ketamine.

- 07 (bảy) viên nén màu nâu đỏ đựng trong 01 (một) túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viền màu đỏ là ma túy, có tổng khối lượng 2,791 gam, loại MDMA.

- Chất tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viền màu đỏ là ma túy, có khối lượng 21,445 gam, loại Ketamine.

** Trong 01 (một) hộp bìa cát tông có chữ "TiPo", ký hiệu "KX1" đã được niêm phong gửi giám định:*

Chất tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viền màu đỏ, được đựng trong 01 (một) hộp giấy màu trắng một mặt có chữ "HÙNG HÀNG HIỆU" là ma túy, có khối lượng 100,124 gam, loại Ketamine.

** Trong 01 (một) phong bì có ký hiệu "KX2" đã được niêm phong gửi giám định:*

- Chất tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viền màu đỏ là ma túy, có khối lượng 1,531 gam, loại Ketamine.

- Trong 01 (một) hộp giấy màu vàng, một mặt có chữ "TOM FORD BLACK OR CHID":

+ Các viên nén màu xanh đựng trong 01 (một) túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viền màu đỏ là ma túy, có tổng khối lượng 22,800 gam, loại MDMA.

+ Chất tinh thể màu trắng đựng trong 16 (mười sáu) túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viền màu xanh, được đựng trong 01 (một) túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viền màu đỏ là ma túy, có tổng khối lượng 11,355 gam, loại Ketamine.

Kết luận giám định số 1149/KL-KTHS ngày 05/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận: Khẩu súng gửi giám định là súng hơi, cỡ nòng 5,6mm, thuộc súng săn, không thuộc vũ khí quân dụng.

Ngày 10/6/2022, khi làm việc tại Cơ quan điều tra, Cao Xuân S, Quàng Văn T đầu thú và khai nhận:

+ Cao Xuân S khai nhận T bộ số ma túy thu giữ khi khám xét trên tầng 3 nhà V là của S, khi đầu thú S giao nộp: 01 (một) túi cầm tay màu đen, kẻ caro có quai đeo; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, được niêm phong vào phong bì ký hiệu "ĐT S" và 47,5 triệu đồng. (BL 226-229)

+ Quàng Văn T khai nhận: Ngày 05/6/2022, T và Quàng Văn M, sinh năm 2000, nơi đăng ký NKTT: Bản Sảng, thị trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên, nơi ở: Số 199, đường Thân Nhân Trung, huyện V Yên, tỉnh B (là nhân viên làm thuê cho V) được V bảo đi nhận một bao gạo bên trong có một túi ma túy Ketamine mang về cho V. Khi đầu thú T giao nộp: 01 thẻ căn cước công dân mang tên Quàng Văn T. (BL 263-265)

Cùng ngày 10/6/2022, Cơ quan điều tra triệu tập Quàng Văn M, khi làm việc M đầu thú và khai nhận phù hợp với lời khai của Quàng Văn T, khi đầu thú M giao nộp: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, 01 Chứng M nhân dân mang tên Quàng Văn M. Tiến hành test nhanh nước tiểu của M, kết quả dương tính với ma túy Ketamine (BL 299-301)

Căn cứ lời khai nhận của V, T, M S và các tài liệu chứng cứ xác định hành vi phạm tội của các bị can như sau:

1. Hành vi phạm tội của Nguyễn Văn V, Quàng Văn T và Quàng Văn M:

Nguyễn Văn V làm nghề kinh doanh dịch vụ cầm đồ, môi giới nhân viên nữ cho các quán hát Karaoke và cửa hàng bán quần áo trên địa bàn huyện V Yên, tỉnh B; Cao Xuân S, Quàng Văn T và Quàng Văn M là những người làm thuê cho V. S ở tại tầng 3 nhà V, còn T và M ở tại quán cầm đồ và cửa hàng bán quần áo.

Khoảng ngày 03/6/2022, V nhận được điện thoại của một người quen biết từ trước tên là Hải nhà ở tỉnh Điện Biên gọi điện thoại trao đổi mua bán 01 lạng ma túy Ketamine với giá 35 triệu đồng. Do có nhu cầu sử dụng ma túy và mua bán để kiếm lời nên V đồng ý mua ma túy của Hải; V và Hải thống nhất V gửi tiền qua xe khách cho Hải, khi nhận được tiền thì Hải sẽ gửi ma túy xuống cho V. Khoảng 17 giờ cùng ngày, V đi ra khu vực ngã tư Đình Trám, huyện V Yên gửi tiền cho Hải qua xe khách tuyến Điện Biên- B. Đến ngày hôm sau, Hải thông báo đã nhận được tiền và sẽ gửi ma túy xuống cho V.

Khoảng 07 giờ ngày 05/6/2022, V nhận được điện thoại của nhà xe Kỳ Tài chạy tuyến Điện Biên- B bảo ra khu vực ngã tư Đình Trám, huyện V Yên để nhận bao hàng. V gọi T và M đang ở nhà V vào phòng ngủ của V và bảo T, M đi ra ngã tư Đình Trám, liên hệ với nhà xe Kỳ Tài, nhận bao hàng về cho V. T lấy số điện thoại của nhà xe Kỳ Tài để liên hệ. M lái xe mô tô chở T ra ngã tư Đình Trám. T liên hệ với nhà xe Kỳ Tài thì được nhà xe đưa cho một bao gạo, T và M chở bao gạo về nhà V. Khi về đến nhà, V bảo T và M lấy gói đồ ở bên trong bao gạo, mang lên cho V. M dùng dao rạch bao gạo thì thấy bên trong có một gói ni lon màu xanh, bên trong gói ni lon màu xanh là một túi ni lon màu trắng đựng tinh thể màu trắng, T và M biết đó là ma túy Ketamine. M đưa cho T cầm và cùng T mang lên phòng cho V. Khi vào phòng, T thấy V và Tô Thị TR đang ở trong phòng, T đưa túi ma túy cho V, V cầm kiểm tra, rồi đưa lại cho T bảo T và M chia ma túy ra các túi ni lon nhỏ. M mở ngăn kéo tủ trong phòng của V lấy túi ni lon nhỏ và cùng T chia ma

túy. Khi chia ra được một túi thì M có việc nên đi về trước, T ở lại tiếp tục chia ma túy. Số ma túy T và M đem về, T đã chia vào được 03 túi ni lon. Chia ma túy xong, T để 03 túi ma túy vào một hộp màu trắng để trên bàn TR điểm trong phòng rồi đi về quán cầm đồ.

Đến buổi tối ngày 09/6/2022, V lấy một ít ma túy Ketamine từ số ma túy mua của Hải ra đĩa sứ và sử dụng, sau khi sử dụng xong V ra giường nằm, số ma túy còn lại vẫn để trên đĩa. Khoảng 21 giờ 30 phút thì có TR và A đến gặp V để xin làm nhân viên. Khoảng 05 phút sau thì T và S cũng đến. Thấy có ma túy trong phòng, T tự lấy sử dụng và ra ngồi chơi. T sử dụng ma túy xong thì T đến chơi và ngồi ở giường cùng V. Khi mọi người đang ngồi chơi thì lực lượng Công an vào kiểm tra, thu giữ ma túy và bắt giữ V.

Về nguồn gốc 07 viên ma túy kẹo, V khai: Buổi tối ngày 09/6/2022, V nhận được điện thoại của Trương Chiến T, trên điện thoại T nói có loại ma túy dạng kẹo mới, T đem đến cho V để làm mẫu giới thiệu cho khách, nếu bán được thì thông báo cho T biết. Số ma túy này, T đưa cho V và để ở giường, khi lực lượng Công an kiểm tra đã phát hiện thu giữ. (BL 197-225; 273-298; 299- 328)

Đối với khẩu súng thu giữ khi khám xét, V khai nhận khẩu súng này là của V mua trên mạng với giá 10 triệu đồng của một người không quen biết, mục đích để TR trí. Kết quả giám định khẩu súng này không thuộc vũ khí quân dụng, ngày 05/8/2022, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử phạt hành chính, xử phạt V 15 triệu đồng về hành vi tàng trữ súng săn. Ngày 21/9/2022, V đã chấp hành xong. (BL 137; 460; 467)

Kết quả kiểm tra đầu thu camera thu giữ khi khám xét nhà V, có các hình ảnh M chở T đi từ nhà V ra ngoài, sau đó M chở T cùng bao tơ dứa màu vàng (dạng bao gạo) vào nhà V vào buổi sáng ngày 05/6/2022, phù hợp với lời khai nhận của T, M và V. (BL 434-445)

Ngoài việc đi nhận ma túy về cho V vào ngày 05/6/2022, T và M còn khai trong thời gian làm thuê cho V, thỉnh thoảng V gọi điện bảo T, M đến nhà (M và T không đi cùng nhau), V đưa cho T, M 01 gói nilon nhỏ, bên trong đựng ma túy Ketamine để đem giao cho khách. T và M chỉ đem giao ma túy, không phải cầm tiền về cho V. Bản thân T khai đã một lần mua 03 viên ma túy dạng kẹo của S với giá 700.000 đồng đem bán cho khách với giá 900.000 đồng để hưởng lợi 200.000 đồng.

2. Hành vi phạm tội của Cao Xuân S

Trong thời gian S làm thuê cho V, S nảy sinh ý định bán ma túy để kiếm lời, nhưng không nói cho V hay ai biết việc S mua bán ma túy. Khoảng 20 giờ ngày 05/6/2022, S gọi điện qua facebook cho Đỗ Văn Khiêm, sinh năm 2000 ở Tổ dân

phổ Phúc Lâm, thị trấn Nénh, huyện V Yên, tỉnh B hỏi mua 17 triệu đồng tiền ma túy dạng "Kẹo". Khiêm đồng ý và bảo S đến khu vực gần ngã ba xã Phúc Lâm giao dịch mua bán. Khoảng 15 phút sau, S đến điểm hẹn, S liên lạc với Khiêm thì được Khiêm bảo ma túy để trong hộp giấy ở rìa đường, lấy ma túy và để tiền vào hộp giấy. S làm theo hướng dẫn của Khiêm thì thấy bên trong hộp giấy ở rìa đường có một túi ni lon màu đen, bên trong túi ni lon màu đen có 01 túi ni lon màu trắng đựng ma túy "Kẹo". S để 17 triệu đồng vào trong hộp giấy và cầm ma túy về phòng ngủ trên tầng 3 nhà V. Khoảng 22 giờ cùng ngày, S đi vào phòng của V hỏi mua ma túy Ketamine, V đang nằm ở giường nên S tự lấy từ trong ngăn tủ một túi ni lon đựng ma túy Ketamine, lấy khoảng hơn mười gam cho vào một túi ni lon khác. Do ở cùng nhà nên S chưa trả tiền cho V mà dự định khi nào bán xong sẽ trả tiền. S mang số ma túy mua được của V về phòng ngủ trên tầng 3, chia ra các túi ni lon nhỏ mục đích để bán với giá từ 800.000 đồng- 1000.000 đồng/01 túi. S chia một phần ma túy Ketamine vào 16 túi nhỏ, rồi để 16 túi nhỏ vào hộp giấy cùng số ma túy Kẹo mua của Khiêm, túi ma túy Ketamine còn lại S để trên mặt bàn. Từ khi mua ma túy của Khiêm và V, S đã bán được một phần, nhưng không nhớ đã bán cho ai. S chỉ nhớ khoảng đêm ngày 08/6/2022, S nhận được điện thoại của T hỏi mua 03 viên ma túy Kẹo. S bảo T đến nhà S đưa ma túy cho. Tại nhà V, S đưa cho T 03 viên ma túy Kẹo. Ngày hôm sau, T thông báo lại cho S đã bán được ma túy với giá 300.000 đồng/01 viên, S lấy giá bán 03 viên ma túy cho T là 700.000 đồng. T bộ số ma túy còn lại ở trong phòng của S trên tầng 3, đã bị lực lượng Công an thu giữ khi khám xét. (BL236-262)

Kết quả kiểm tra điện thoại của S, điện thoại của T có các nội dung S và T trao đổi mua bán 03 viên ma túy kẹo, phù hợp với lời khai nhận của S, của T. (BL 392-399)

Tại cơ quan điều tra các bị cáo đã khai nhận T bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 42/CT-VKS-P1 ngày 01/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn V về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự; Các bị cáo Quàng Văn T, Quàng Văn M về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm e khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự và bị cáo Cao Xuân S về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm p khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn V, Quàng Văn T, Quàng Văn M, Cao Xuân S khai nhận T bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bị cáo V trình bày: Khoảng đầu tháng 6/2022, bị cáo liên hệ với anh Hải hỏi mua 01 lạng ma túy ketamine. Hải đồng ý và gửi xe khách xuống cho bị cáo. Khi Hải gửi xuống bị cáo bảo M và T ra lấy về cho bị cáo. Bị cáo bảo M, T đi ra chỗ cho bị cáo bao hàng về. Khi về đến nhà, bị cáo bảo lấy trong bao gạo cho bị cáo túi

đồ. M, T lấy và cầm lên phòng cho bị cáo, một túi nilon màu xanh, bị cáo bảo T mở túi màu xanh ra, bên trong có 01 túi nilon màu trắng đựng ma túy “Ke”. Bị cáo bảo T và M chia ra các túi, T chia thành 03 túi nilon và cất vào ngăn kéo tủ. Đối với số ma túy “Ke” đây là số ma túy T đưa cho bị cáo vào tối ngày 09/6/2022, trước khi T đến T có điện bảo bị cáo là T có hàng Kẹo mới, đem đến cho bị cáo để làm mẫu bán, nếu có ai mua thì bảo T. T đưa cho bị cáo và để ở giường. Bị cáo cũng chưa giới thiệu cho khách thì đã bị lực lượng công an kiểm tra. Bị cáo mua ma túy mục đích để sử dụng và bán. Đến nay bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo mong nhận được sự khoan hồng của Hội đồng xét xử. Bị cáo có ông nội là liệt sỹ Nguyễn Văn Biễn, bị cáo có ông ngoại là ông Nguyễn Văn Liên được tặng thưởng huân chương kháng cáo hạng ba.

Bị cáo T trình bày: Buổi sáng ngày 05/6/2022 bị cáo và M đang ở nhà V thì V bảo bị cáo và M đi ra ngã tư Đình Trám nhận bao đồ từ nhà xe Kỳ Tài. Khi bị cáo và M mang bao gạo về, V bảo lấy gói đồ trong bao gạo mang lên cho V. M rạch bao gạo lấy từ trong bao gạo một gói nilon màu xanh đưa cho bị cáo. Bị cáo thấy trong gói màu xanh bị bung ra, bên trong gói màu xanh là một túi nilon màu trắng, đựng tinh thể màu trắng. Bị cáo biết đó là ma túy Ketamine. Bị cáo và M mang lên phòng cho V, V bảo bị cáo chia ra các túi nilon, bị cáo và M chia ma túy, tổng bị cáo ra chia được 03 túi. Buổi tối cùng ngày V bảo bị cáo mang 01 túi nilon nhỏ đựng ma túy “Ke”, bảo bị cáo đem ra khu đất mới gần nhà V, giao cho một người đàn ông, bị cáo đem ra đưa cho khách xong đi về. Ngoài ra, bị cáo còn trực tiếp 03 viên ma túy Kẹo cho khách. Bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của bị cáo là sai, vi phạm pháp luật. Bị cáo có ông nội là ông Quảng Văn Trần được tặng thưởng huy chương chiến sỹ vẻ vang.

Bị cáo M trình bày: Bị cáo xác nhận lời trình bày của T là đúng. Bị cáo có giúp V đi lấy ma túy, chia ma túy và đi giao ma túy cho khách. Bị cáo có sử dụng ma túy và đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình.

Bị cáo S trình bày: Bị cáo làm thuê cho V, bị cáo phụ trách quán cầm đồ và quản lý nhân viên quán hát. Khi bị cáo ở nhà V thì bị cáo ở trên tầng 3, phòng ngủ trên tầng 3 là do bị cáo ở, quản lý. Do bị cáo quản lý nhân viên quán hát nên bị cáo mua ma túy về bán lẻ để kiếm lời, việc bị cáo bán ma túy không liên quan đến V, bị cáo làm một mình. Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Thu H trình bày: Chị là em gái của V, gia đình chị ở cùng nhà với V. Số tiền 47.500.000 đồng thu giữ của S là tiền chị nhờ S đi mua xe hộ, nên chị đề nghị trả lại cho chị; 01 chiếc điện thoại sam dung màu tím thu giữ tại phòng V là tài sản của chị, do con chị mang đến phòng V chơi, chị đề nghị trả lại cho chị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa đã được Hội đồng xét xử công bố lời khai tại Cơ quan điều tra, bị cáo đồng ý và không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích các tình tiết của vụ án đã giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm h khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Văn V.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn V từ 15 năm 06 tháng đến 16 năm tù về tội “mua bán trái phép chất ma túy”, thời gian tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 10/6/2022.

Phạt bổ sung bị cáo từ 07 triệu đồng- 10 triệu đồng để sung công quỹ nhà nước.

- Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Quàng Văn T và Quàng Văn M.

Xử phạt:

+ Bị cáo Quàng Văn T từ 15 năm đến 15 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 10/6/2022.

+ Bị cáo Quàng Văn M từ 15 năm đến 15 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 10/6/2022.

- Áp dụng điểm p khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Cao Xuân S từ 09 năm đến 09 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 10/6/2022.

Phạt bổ sung bị cáo từ 05 triệu đến 07 triệu đồng để sung công quỹ nhà nước.

Ngoài ra, còn đề nghị giải quyết về vật chứng, án phí, quyền kháng cáo.

Người bào chữa cho bị cáo V trình bày tranh luận: Nhất trí với bản Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như Kiểm sát viên đề nghị. Do môi trường làm việc nên những đối tượng mua bán ma túy đã tiếp cận, rủ rê bị cáo, bị cáo không làm chủ được bản thân đã dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Số lượng ma túy bị cáo bị quy kết là 134gam, đề nghị xem xét xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt là 15 năm tù. Bị cáo chưa thu lời từ việc mua bán trái phép chất ma túy, nên mong Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc không phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo T trình bày: Nhất trí với tội danh và điều khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo. Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, ngay sau khi xảy ra sự việc bị cáo đã đến cơ quan công an đầu thú về hành vi

phạm tội của mình, bị cáo chỉ có vai trò đồng phạm giúp sức và thụ động, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự bị cáo là người dân tộc Thái là nạn nhân của tệ nạn ma túy, khối lượng ma túy mà bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là 134 gam. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt là 15 năm tù, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

Người bào chữa cho bị cáo M trình bày tranh luận: Không nhất trí với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo M không phạm tội mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo với vai trò làm thuê cho V, bị cáo không biết mục đích việc V mua bán ma túy, không được lợi nhuận, bị cáo chỉ phạm tội “vận chuyển trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 250 Bộ luật hình sự. Bị cáo chỉ là người với vai trò giúp sức, khi quyết định hình phạt xét xử T diện của vụ án, nhân thân của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử bị cáo M ở dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là 14 năm tù.

Các bị cáo V, T, M không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo S không có ý kiến tranh luận gì.

Kiểm sát viên đối đáp với luật sư bào chữa cho bị cáo: Giữ nguyên quan điểm đề nghị.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, T diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố xét xử: Kể từ khi khởi tố vụ án hình sự, trong giai đoạn điều tra, truy tố vụ án, HĐXX thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên và Luật sư bào chữa cho bị cáo đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, Kiểm sát viên và Luật sư bào chữa cho các bị cáo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, không có hành vi, quyết định tố tụng nào vi phạm tố tụng.

[2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Chiến T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, xét thấy, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có lời

khai trong hồ sơ, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục xét xử vụ án.

[3]. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên toà có đủ cơ sở kết luận: Ngày 03/6/2022, Nguyễn Văn V, sinh năm 1991 ở tổ dân phố Dục Quang, thị trấn Bích Động, huyện V Yên, tỉnh B trao đổi mua bán với một người đàn ông tên là Hải ở tỉnh Điện Biên khối lượng ma túy Ketamine với giá 35 triệu đồng mục đích để sử dụng và bán kiếm lời. Ngày 05/6/2022, khi Hải gửi ma túy qua xe khách xuống khu vực ngã tư Đình Trám, huyện V Yên, V bảo Quảng Văn T và Quảng Văn M đều là nhân viên làm thuê cho V ra lấy ma túy về cho V. Khi T và M mang ma túy về, V bảo T và M chia thành 03 túi ma túy và cất trong phòng của V. Đến buổi tối cùng ngày, V bán cho Cao Xuân S (là người làm thuê và ở trên tầng 3 cùng nhà V) một phần ma túy mua được để S bán lẻ kiếm lời.

Hồi 21 giờ 46 phút ngày 09/6/2022, tổ công tác Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh B phối hợp với Công an huyện V Yên, tỉnh B tiến hành kiểm tra nhà ở của Nguyễn Văn V, kết quả kiểm tra thu giữ tại phòng ngủ của V: 2,791 gam ma túy MDMA và 21,445 gam ma túy Ketamine, V cất giấu mục đích để sử dụng và bán.

Tiến hành khám xét nơi ở của V thu giữ: 100,124 gam ma túy Ketamine; thu giữ của S 12,886 gam ma túy Ketamine mua của V và 22,800 gam ma túy MDMA, S cất giấu mục đích để bán kiếm lời.

Như vậy, tổng khối lượng ma túy Nguyễn Văn V mua bán trái phép là 134, 455 gam ma túy Ketamine và 2,791 gam ma túy MDMA;

Tổng khối lượng ma túy Quảng Văn T, Quảng Văn M mua bán trái phép là 134, 455 gam ma túy Ketamine;

Tổng khối lượng ma túy Cao Xuân S mua bán trái phép là 12,886 gam ma túy Ketamine và 22,800 gam ma túy MDMA.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn V đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự, hành vi của bị cáo Quảng Văn T, Quảng Văn M đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm e khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự, hành vi của bị cáo Cao Xuân S đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm p khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4]. Xét tính chất của vụ án thì thấy: Trong vụ án có nhiều bị cáo cùng thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy mục đích để kiếm lời, nhưng không có sự bàn bạc thống nhất từ trước nên đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn V, Quảng Văn T, Quảng Văn M thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng theo quy định của Bộ luật hình sự; hành vi của bị cáo Cao Xuân S thuộc trường hợp rất nghiêm trọng theo quy định của Bộ luật hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, chỉ vì lợi ích cá nhân mà các bị cáo đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy và gây mất trật tự an ninh xã hội. Ma túy là mối hiểm họa, làm xói mòn đạo đức, là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác và gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do vậy, việc xét xử nghiêm các bị cáo là cần thiết và phải có hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[5]. Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án: Bị cáo Nguyễn Văn V là đối tượng thực hiện việc giao dịch mua bán ma túy và chỉ đạo cho M, T đi nhận ma túy và giao ma túy khi V bán. Bị cáo T, M mặc dù biết rõ V yêu cầu đi nhận ma túy và đi giao ma túy cho người mua nhưng vẫn cố tình thực hiện nên hai bị cáo có vai trò thứ hai. Bị cáo S mua ma túy của V để bán lại kiếm lời mặc dù biết rõ việc mua bán ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện nhằm mục đích kiếm lời, nên bị cáo S có vai trò sau cùng. Do đó, phải có hình phạt tù phù hợp với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[6]. Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy:

- Về nhân thân: Bị cáo Quảng Văn T, Quảng Văn M có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

Bị cáo Nguyễn Văn V có nhân thân xấu:

+ Bản án số 84/2011/HSST ngày 16/5/2011, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh xử phạt Nguyễn Văn V 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

+ Bản án số 40/2011/HSST ngày 26/8/2011, Tòa án nhân dân huyện V Yên, tỉnh B xử phạt Nguyễn Văn V 03 năm tù về tội trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt của bản án số 84/2011/HSST ngày 16/5/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, buộc V phải chấp hành hình phạt cho cả hai bản án là 03 năm 06 tháng tù.

+ Bản án số 84/HSST ngày 30/11/2011, Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh B xử phạt Nguyễn Văn V 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt với bản án số 40/2011/HSST ngày 26/8/2011, Tòa án nhân dân huyện V Yên, tỉnh B, buộc bị cáo V phải chấp hành 04 năm 06 tháng tù nhưng được trừ đi 11 tháng 22 ngày đã thi hành, V còn phải chấp hành 03 năm 06 tháng 08 ngày. V chấp hành xong bản án ngày 08/10/2014.

Bị cáo V đã nhiều lần bị đưa ra xét xử về hình sự, nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật, khó giáo dục.

- Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải; Bị cáo T, S, M đã đến cơ quan công an để đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo V có ông nội là liệt sỹ Nguyễn Văn Biển, ông ngoại là ông Nguyễn Văn Liên được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba. Bị cáo T có ông nội là ông Quảng Văn Trần được tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang. Đây là những tình tiết giảm nhẹ hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo V.

- Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: Bị cáo V, T, M không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo S năm 2019 bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 01 năm 08 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, trong thời gian chưa được xóa án tích bị cáo lại tiếp tục phạm tội. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[7]. Về hình phạt chính: Xét các bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài, mới đủ giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung cho loại tội phạm này, như đề nghị của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

Đối với trình bày tranh luận của luật sư bào chữa cho bị cáo M cho rằng bị cáo M phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”, hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo M biết rõ việc V mua ma túy về để bán kiếm lời, bị cáo M tiếp nhận ý chí của V, bị cáo còn có hành vi thử ma túy xem là ma túy thật hay giả, đã có lần đi giao ma túy cho V, nên cáo trạng truy tố bị cáo M đồng phạm với V về hành vi mua bán trái phép chất ma túy là có căn cứ, việc bị cáo không được hưởng lợi không phải là căn cứ để xác định tội danh đối với bị cáo, ý kiến của luật sư về việc bị cáo M phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” là không có cơ sở và bị cáo không có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên không có căn cứ để xử phạt bị cáo ở dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, như đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 khoản Điều 251 Bộ luật hình sự còn quy định về hình phạt bổ sung, có thể phạt tiền đối với các bị cáo. Bị cáo V là người có vai trò chính, mua bán ma túy với mục đích để kiếm lời nên cần phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đồng để sung công quỹ nhà nước. Đối với bị cáo S mua bán ma túy để kiếm lời nên cần phạt bổ sung bị cáo 5.000.000đồng để sung công quỹ nhà nước. Bị cáo T, bị cáo M là người dân tộc, không được hưởng lợi, có hoàn cảnh khó khăn, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T và bị cáo M.

[9]. Do các bị cáo đang bị tạm giam nên cần áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[10]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

* Truy thu nộp ngân sách nhà nước, số tiền các bị cáo đã thu lời bất chính từ việc phạm tội:

- Truy thu của Bị cáo Cao Xuân S số tiền 700.000đồng để nộp ngân sách nhà nước.

- Truy thu của bị cáo Quảng Văn T số tiền 200.000đồng để nộp ngân sách nhà nước.

* Tịch thu tiêu hủy, vật chứng là ma túy hoàn lại sau giám định và các đồ vật không còn giá trị sử dụng:

- 01 (Một) phong bì dán kín, được niêm phong, có ký hiệu “QT”, bên trong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định;

- 01 (Một) hộp cát tông có chữ “Tipo” được niêm phong theo quy định, có ký hiệu “KX1”, bên trong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định.

- 01 (Một) phong bì dán kín, được niêm phong theo quy định, có ký hiệu “KT2”, bên trong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định;

- 02 (hai) cân điện tử màu trắng, trong đó một cân có tem chữ số 200g/0.01, cân có tem số 500g/0.01;

- 01 (Một) túi nilon màu trắng có rãnh khóa nhựa viền đỏ, bên trong chứa nhiều túi nilon màu trắng có rãnh khóa nhựa viền xanh;

* Tịch thu sung công quỹ nhà nước tiền và tài sản các bị cáo dùng vào việc phạm tội:

- 100.000đồng nằm trong hộp bìa cát tông niêm phong ký hiệu “QT”

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, loại máy một thân đã qua sử dụng, có số Imei: 353901104713997 (thu giữ của S);

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh, loại máy một thân đã qua sử dụng, có số Imei: 35594285204349 (Thu giữ của T);

* Trả lại các bị cáo, tài sản của của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội:

- Trả lại bị cáo V:

+ 01 (Một) hộp bìa cát tông được dán kín, niêm phong bằng dải niêm phong có dấu đỏ của phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh B và chữ ký cùng tên của những người tham gia niêm phong, có ký hiệu “ Đầu thu camera”;

+ 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu hồng, loại máy một thân đã qua sử dụng, có số Imei1: 354626224717045, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ 01 (Một) ví da màu đen, 01 giấy phép lái xe mô tô và 01 giấy phép lái xe ô tô đều mang tên Nguyễn Văn V.

+ 2.600.000đồng (nằm trong số tiền 50.410.000đồng) nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại Quàng Văn T:

+ 01 (Một) Căn cước công dân mang tên Quàng Văn T;

+ 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám, loại máy một thân đã qua sử dụng, có số Imei: 3546143091460871, loại máy một thân đã qua sử dụng, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Nokia màu xám, loại máy một thân đã qua sử dụng, có số Imei: 359751046990045, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại Quàng Văn M:

+ 01 (Một) căn cước công dân mang tên Quàng Văn M.

+ 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, loại máy một thân đã qua sử dụng, có số Imei1: 357260091839125, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại bị cáo Cao Xuân S:

+ 01 (Một) ví da màu đen, 01 chứng M nhân dân và 01 thẻ ATM của ngân hàng MB mang tên Cao Xuân S.

+ 01 (Một) túi cầm tay kẻ caro màu đen có quai đeo;

+ 350.000đồng (Nằm trong số tiền 50.410.000đồng) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

* Trả lại những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tiền và tài sản không liên quan đến việc phạm tội:

- Trả lại anh Trương Chiến T: 01 điện thoại di động Iphone màu vàng, loại máy một thân đã qua sử dụng, mặt trước, mặt sau bị rạn vỡ, có số Imei: 353911100269555.

- Trả lại chị Nguyễn Thị Thu H: Số tiền 47.500.000đồng (nằm trong số tiền 50.410.000đồng); 01(Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu tím, loại

máy một thân đã qua sử dụng, có số Imei1: 354949613522937, loại máy gập đã qua sử dụng.

[11]. Các vấn đề khác:

Đối với Đỗ Văn Khiêm, kết quả điều tra Khiêm không thừa nhận đã bán ma túy cho S; khám xét khẩn cấp nơi ở của Khiêm không giữ đồ vật tài sản gì. Đối chất giữa Khiêm và S không có kết quả. Ngoài lời khai của S không có chứng cứ nào khác nên không đủ căn cứ để xem xét xử lý Khiêm. (BL 100-101; 329-330; 372-375)

Đối với Trương Chiến T, kết quả điều tra T không thừa nhận đã đem ma túy đến đưa cho V; kết quả giám định dấu vết đường vân không có kết quả; kết quả xác M T không có mặt tại địa phương nên quá trình điều tra không thực hiện được việc đối chất giữa T và V. Ngoài lời khai của V không có chứng cứ nào khác nên không đủ căn cứ để xem xét xử lý T. (BL 125; 335- 345; 517-519)

Đối với hành vi T, M được V đưa ma túy để đem giao cho khách, nhưng T, M đều khai không biết những người khách này là ai, ở đâu. Tuy nhiên, V không thừa nhận hành vi này, ngoài lời khai của T, M không có chứng cứ nào khác nên chưa đủ căn cứ để kết luận về hành vi này của T, M và V; không có căn cứ để xác định những người đã được T, M giao ma túy.

Đối với 03 viên ma túy dạng kẹo T và S giao dịch mua bán, do không thu giữ được vật chứng, nên không xác định được khối lượng ma túy S và T đã mua bán trái phép; T khai không biết tên, tuổi địa chỉ của người mua ma túy, ngoài lời khai của T không có chứng cứ nào khác nên Cơ quan điều tra không xác định được đối tượng này.

Đối với số ma túy trên đĩa sứ thu giữ khi lực lượng Công an kiểm tra, kết quả điều tra xác định số ma túy này là của V bỏ ra để sử dụng, do khối lượng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự (*0,078 gam ma túy Ketamine*), ngày 05/8/2022, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử phạt hành chính, xử phạt V 3,5 triệu đồng về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 21/9/2022, V đã chấp hành xong. (BL 460; 467)

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của T, M, T, ngày 04/8/2022, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử phạt hành chính, xử phạt 1,5 triệu đồng. Ngày 09/8/2022, T chấp hành xong; ngày 15/8/2022, S chấp hành xong. (BL 461- 466)

Đối với Hải là người bán ma túy và người bán khẩu súng săn, V khai không biết địa chỉ cụ thể, không nhớ số điện thoại. Ngoài lời khai của V không có chứng cứ nào khác nên Cơ quan điều tra không xác định được.

Đối với Tô Thị TR có mặt và chứng kiến T, M đưa cho V một túi ni lon vào sáng ngày 05/6/2022, nhưng TR khai không biết đó là túi ma túy, ngoài lời khai của TR không có chứng cứ nào khác, nên không có căn cứ để xem xét xử lý TR.

Buổi tối ngày 09/6/2022, TR cùng Hoàng Ngọc A đến phòng của V mục đích để xin việc; TR, A không biết V có hành vi tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy nên không vi phạm pháp luật.

[12]. Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326 Nghị quyết 326/2016/UBTVH ngày 16/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Về trách nhiệm hình sự:

- Căn cứ điểm h khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Văn V.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn V 15 (Mười lăm) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “mua bán trái phép chất ma túy”, thời gian tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 10/6/2022.

Phạt bổ sung bị cáo V 10.000.000đồng để sung công quỹ nhà nước.

- Căn cứ điểm e khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Quàng Văn T.

Xử phạt: Bị cáo Quàng Văn T 15 (Mười lăm) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 10/6/2022.

- Căn cứ điểm e khoản 3, Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Quàng Văn M.

Xử phạt: Bị cáo Quàng Văn M 15 (Mười lăm) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 10/6/2022.

- Căn cứ điểm p khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Cao Xuân S 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 10/6/2022.

Phạt bổ sung bị cáo S 5.000.000đồng để sung công quỹ nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

2.1. Truy thu nộp ngân sách nhà nước:

- Truy thu của Bị cáo Cao Xuân S số tiền 700.000đồng.

- Truy thu của bị cáo Quàng Văn T số tiền 200.000đồng.

2.2. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (Một) phong bì dán kín, được niêm phong, có ký hiệu “QT”, bên trong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định;

- 01 (Một) hộp cát tông có chữ “Tipo” được niêm phong theo quy định, có ký hiệu “KX1”, bên trong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định.

- 01 (Một) phong bì dán kín, được niêm phong theo quy định, có ký hiệu “KT2”, bên trong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định;

- 02 (hai) cân điện tử màu trắng, trong đó một cân có tem chữ số 200g/0.01, cân có tem số 500g/0.01;

- 01 (Một) túi nilon màu trắng có rãnh khóa nhựa viền đỏ, bên trong chứa nhiều túi nilon màu trắng có rãnh khóa nhựa viền xanh;

2.3. Tịch thu sung công quỹ nhà nước:

- 100.000đồng nằm trong hộp bìa cát tông niêm phong ký hiệu “QT”

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, loại máy một thân đã qua sử dụng, có số Imei1: 353901104713997 (thu giữ của S);

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh, loại máy một thân đã qua sử dụng, có số Imei: 35594285204349 (Thu giữ của T);

2.4. Trả lại các bị cáo:

- Trả lại bị cáo V

+ 01 (Một) hộp bìa cát tông được dán kín, niêm phong bằng dải niêm phong có dấu đỏ của phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh B và chữ ký cùng tên của những người tham gia niêm phong, có ký hiệu “Đầu thu camera”;

+ 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu hồng, loại máy một thân đã qua sử dụng, có số Imei1: 354626224717045, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ 01 (Một) ví da màu đen, 01 giấy phép lái xe mô tô và 01 giấy phép lái xe ô tô đều mang tên Nguyễn Văn V.

+ 2.600.000đồng (nằm trong số tiền 50.410.000đồng) nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại Quàng Văn T:

+ 01 (Một) Căn cước công dân mang tên Quàng Văn T;

+ 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám, loại máy một thân đã qua sử dụng, có số Imei: 3546143091460871, loại máy một thân đã qua sử dụng, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Nokia màu xám, loại máy một thân đã qua sử dụng, có số Imei: 359751046990045, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại Quàng Văn M:

+ 01 (Một) căn cước công dân mang tên Quàng Văn M.

+ 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, loại máy một thân đã qua sử dụng, có số Imei1: 357260091839125, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại bị cáo Cao Xuân S:

+ 01 (Một) ví da màu đen, 01 chứng M nhân dân và 01 thẻ ATM của ngân hàng MB mang tên Cao Xuân S.

+ 01 (Một) túi cầm tay kẻ caro màu đen có quai đeo;

+ 350.000đồng (Năm trăm nghìn đồng) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

2.5. Trả lại những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Trả lại anh Trương Chiến T: 01(Một) điện thoại di động Iphone màu vàng, loại máy một thân đã qua sử dụng, mặt trước, mặt sau bị rạn vỡ, có số Imei: 353911100269555.

- Trả lại chị Nguyễn Thị Thu H: Số tiền 47.500.000đồng (năm mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu tím, loại máy một thân đã qua sử dụng, có số Imei1: 354949613522937, loại máy gấp đã qua sử dụng.

(Vật chứng của vụ án được chuyển giao cho Cục thi hành án dân sự tỉnh B theo Quyết định chuyển vật chứng số 40/QĐ- VKS-P2 ngày 01/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B B và Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 13/12/2022).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn V, Quảng Văn T, Quảng Văn M, Cao Xuân S mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Sở tư pháp;
- VKSND tỉnh B;
- Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh B;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh B;
- Trại tạm giam công an tỉnh B;
- Bị cáo;
- Công thông tin điện tử của TAND Tối cao;
- Lưu HS,THS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà

